

Khóa học: 2020 - 2022

Hình thức đào tạo: Chính quy

Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 134/QĐ-TCĐLTTP ngày 21 tháng 3 năm 2023; ngày cấp bằng 24/3/2023

STT	Họ và tên người học		Ngày sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Lớp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN	
														Ký	Họ và tên
358	Ngô Huỳnh Ngọc	Hiếu	24/01/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	Việt Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	20T-CM1	2023	Khá	A00737 /TC	CLT-TC 001 /2023		
359	Nguyễn Văn	Hiếu	22/07/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh			20T-CM1	2023	Khá	A00738 /TC	CLT-TC 002 /2023		
360	Lê Quốc	Hoàng	15/11/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh			20T-CM1	2023	Khá	A00739 /TC	CLT-TC 003 /2023		
361	Lê Văn	Nhật	01/11/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh			20T-CM1	2023	Xuất sắc	A00740 /TC	CLT-TC 004 /2023		
362	Trần Ngọc	Phước	09/12/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh			20T-CM1	2023	Khá	A00741 /TC	CLT-TC 005 /2023		
363	Trần Viết	Bình	22/11/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh			20T-CM2	2023	Khá	A00742 /TC	CLT-TC 006 /2023		
364	Nguyễn Hữu	Huy	22/01/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh			20T-CM2	2023	Giỏi	A00743 /TC	CLT-TC 007 /2023		
365	Đỗ Nguyên	Phương	12/12/2005	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh			20T-CM2	2023	Khá	A00744 /TC	CLT-TC 008 /2023		
366	Trần Đăng	Quân	02/09/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh			20T-CM2	2023	Khá	A00745 /TC	CLT-TC 009 /2023		
367	Huỳnh Tấn	Bảo	17/05/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh			20T-CM3	2023	Khá	A00746 /TC	CLT-TC 010 /2023		
368	Phạm Thanh Anh	Hòa	28/09/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh			20T-CM3	2023	Giỏi	A00747 /TC	CLT-TC 011 /2023		
369	Hoàng Văn	Nghĩa	25/02/2005	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh			20T-CM3	2023	Trung bình	A00748 /TC	CLT-TC 012 /2023		
370	Nguyễn Nam Vân	Anh	09/06/2005	Nam Định	Nữ	Kinh			20T-CM4	2023	Khá	A00749 /TC	CLT-TC 013 /2023		
371	Nguyễn Văn	Giàu	02/01/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh			20T-CM4	2023	Khá	A00750 /TC	CLT-TC 014 /2023		
372	Hồ Thị Thu	Hằng	18/04/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh			20T-CM4	2023	Khá	A00751 /TC	CLT-TC 015 /2023		
373	Phạm Văn	Minh	13/01/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh			20T-CM4	2023	Giỏi	A00752 /TC	CLT-TC 016 /2023		
374	Trần Thái Quang	Dũng	09/08/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ thông tin (ƯDPM)	20T-I1	2023	Khá	A00753 /TC	CLT-TC 017 /2023		
375	Dương Ngọc	Hiếu	04/12/2005	Quảng Bình	Nam	Kinh			20T-I1	2023	Khá	A00754 /TC	CLT-TC 018 /2023		
376	Trần Văn	Khang	25/12/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh			20T-I1	2023	Khá	A00755 /TC	CLT-TC 019 /2023		

STT	Họ và tên người học		Ngày sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Lớp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN	
														Ký	Họ và tên
377	Đỗ Nhật	Linh	03/01/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ thông tin (UDPM)	20T-I1	2023	Trung bình	A00756 /TC	CLT-TC 020 /2023		
378	Lê Văn Minh	Triều	01/04/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh			20T-I1	2023	Trung bình	A00757 /TC	CLT-TC 021 /2023		
379	Lê Thị Diệu	Hồng	24/05/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh		Nghịệp vụ nhà hàng	20T-NH1	2023	Khá	A00758 /TC	CLT-TC 022 /2023		
380	Nguyễn Hoàn Bảo	Oanh	08/02/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh			20T-NH1	2023	Khá	A00759 /TC	CLT-TC 023 /2023		
381	Trần Thị Anh	Thi	03/11/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh			20T-NH1	2023	Giỏi	A00760 /TC	CLT-TC 024 /2023		
382	Nguyễn Anh	Tuấn	16/11/2005	Thanh Hóa	Nam	Kinh			20T-NH1	2023	Giỏi	A00761 /TC	CLT-TC 025 /2023		

Khóa học: 2021 - 2023

Hình thức đào tạo: Chính quy

Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 212/QĐ-TCDLTTP ngày 24 tháng 4 năm 2023; ngày cấp bằng 08/5/2023

STT	Họ và tên người học		Ngày sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Lớp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN	
														Ký	Họ và tên
383	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	29/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Công nghệ Kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm	21TCTPA1	2023	Khá	A00762 /TC	CLT-TC 026 /2023		
384	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	11/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCTPA1	2023	Khá	A00763 /TC	CLT-TC 027 /2023		
385	Đặng Ngọc Thùy	Dương	19/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCTPA1	2023	Giỏi	A00764 /TC	CLT-TC 028 /2023		
386	Hoàng Minh	Hiếu	11/07/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTPA1	2023	Khá	A00765 /TC	CLT-TC 029 /2023		
387	Lê Thị Tuyết	Hoa	07/01/1996	Long An	Nữ	Kinh			21TCTPA1	2023	Giỏi	A00766 /TC	CLT-TC 030 /2023		
388	Huỳnh Thị Tú	Khanh	01/01/2005	Bạc Liêu	Nữ	Kinh			21TCTPA1	2023	Khá	A00767 /TC	CLT-TC 031 /2023		
389	Nguyễn Hoàng	Khoa	02/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTPA1	2023	Trung bình	A00768 /TC	CLT-TC 032 /2023		
390	Nguyễn Phước	Lộc	04/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTPA1	2023	Khá	A00769 /TC	CLT-TC 033 /2023		
391	Huỳnh Linh Thiên	Minh	16/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTPA1	2023	Trung bình	A00770 /TC	CLT-TC 034 /2023		
392	Lê Tuấn	Phát	22/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTPA1	2023	Khá	A00771 /TC	CLT-TC 035 /2023		

STT	Họ và tên người học		Ngày sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Lớp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN	
														Ký	Họ và tên
393	Vĩnh Quý Minh	Phúc	03/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Khmer	Việt Nam	Công nghệ Kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm	21TCTPA1	2023	Khá	A00772 /TC	CLT-TC 036 /2023		
394	Nguyễn Ngọc Thảo	Quyên	24/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCTPA1	2023	Khá	A00773 /TC	CLT-TC 037 /2023		
395	Lê Văn Chí	Tín	16/03/2005	Bến Tre	Nam	Kinh			21TCTPA1	2023	Khá	A00774 /TC	CLT-TC 038 /2023		
396	Đoàn Ngọc Minh	Thư	18/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCTPA1	2023	Khá	A00775 /TC	CLT-TC 039 /2023		
397	Trần Ngọc Minh	Thư	06/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCTPA1	2023	Khá	A00776 /TC	CLT-TC 040 /2023		
398	Phạm Thụy Đông	Trà	03/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCTPA1	2023	Trung bình	A00777 /TC	CLT-TC 041 /2023		
399	Đặng Thuỳ	Trang	26/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCTPA1	2023	Khá	A00778 /TC	CLT-TC 042 /2023		
400	Yên Bích	Thủy	28/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa			21TCTPA1	2023	Giỏi	A00779 /TC	CLT-TC 043 /2023		
401	Nguyễn Huy Gia	An	20/11/2006	Long An	Nam	Kinh			21TCTPB1	2023	Khá	A00780 /TC	CLT-TC 044 /2023		
402	Lê Tuấn	Anh	05/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTPB1	2023	Khá	A00781 /TC	CLT-TC 045 /2023		
403	Nguyễn Thị Bảo	Hoa	06/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCTPB1	2023	Khá	A00782 /TC	CLT-TC 046 /2023		
404	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	11/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCTPB1	2023	Khá	A00783 /TC	CLT-TC 047 /2023		
405	Hồ Đặng Anh	Khoa	06/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTPB1	2023	Khá	A00784 /TC	CLT-TC 048 /2023		
406	Nguyễn Tuấn	Khoa	15/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTPB1	2023	Khá	A00785 /TC	CLT-TC 049 /2023		
407	Thạch Thị Phương	Linh	22/04/2006	Cần Thơ	Nữ	Kinh			21TCTPB1	2023	Khá	A00786 /TC	CLT-TC 050 /2023		
408	Lý Kiến	Nam	23/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTPB1	2023	Khá	A00787 /TC	CLT-TC 051 /2023		
409	Lê Trần Bảo	Thư	24/03/2006	Bến Tre	Nữ	Kinh			21TCTPB1	2023	Khá	A00788 /TC	CLT-TC 052 /2023		
410	Phạm Đình	Trí	26/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTPB1	2023	Khá	A00789 /TC	CLT-TC 053 /2023		
411	Cao Đình Khánh	Vy	02/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCTPB1	2023	Giỏi	A00790 /TC	CLT-TC 054 /2023		
412	Trần Thị Cẩm	Tiên	23/03/2006	Sóc Trăng	Nữ	Kinh			21TCTPB1	2023	Khá	A00791 /TC	CLT-TC 055 /2023		

STT	Họ và tên người học		Ngày sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Lớp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN	
														Ký	Họ và tên

Khóa học: 2020 - 2022

Hình thức đào tạo: Chính quy

Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 462/QĐ-TCĐLTTP ngày 02 tháng 8 năm 2023; ngày cấp bằng 09/8/2023

STT	Họ và tên người học		Ngày sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Lớp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN	
														Ký	Họ và tên
413	Lê Thị Phương	Nhi	03/07/2005	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	20T-CM2	2023	Khá	A00792 /TC	CLT-TC 056 /2023		
414	Nguyễn Ngọc	Hòa	12/12/2005	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh		Công nghệ thông tin (UDPM)	20T-I1	2023	Trung bình	A00793 /TC	CLT-TC 057 /2023		
415	Lê Thị Thanh	Thảo	22/09/2005	Thanh Hóa	Nữ	Kinh		Nghiệp vụ nhà hàng	20T-NH1	2023	Khá	A00794 /TC	CLT-TC 058 /2023		

Khóa học: 2021 - 2023

Hình thức đào tạo: Chính quy

Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 454/QĐ-TCĐLTTP ngày 28 tháng 7 năm 2023; ngày cấp bằng 11/8/2023

STT	Họ và tên người học		Ngày sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Lớp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN	
														Ký	Họ và tên
416	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	16/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Công nghệ Kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm	21TCTP023	2023	Khá	A00795 /TC	CLT-TC 059 /2023		
417	Nguyễn Thanh	Tân	21/02/2003	Long An	Nam	Kinh			21TCTP115	2023	Khá	A00796 /TC	CLT-TC 060 /2023		
418	Đỗ Gia	Hân	02/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCTP116	2023	Khá	A00797 /TC	CLT-TC 061 /2023		
419	Bùi Hữu Lê	Anh	28/11/2004	Đồng Tháp	Nam	Kinh			21TCTP073	2023	Khá	A00798 /TC	CLT-TC 062 /2023		
420	Nguyễn Thế	Anh	21/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTP074	2023	Khá	A00799 /TC	CLT-TC 063 /2023		
421	Đỗ Minh	Hoàng	13/06/2005	Hà Nội	Nam	Kinh			21TCTP081	2023	Trung bình	A00800 /TC	CLT-TC 064 /2023		
422	Đỗ Phương	Khanh	11/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCTP082	2023	Giỏi	A00801 /TC	CLT-TC 065 /2023		
423	Nguyễn Thùy	Linh	23/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCTP083	2023	Khá	A00802 /TC	CLT-TC 066 /2023		
424	Dư Hồng	Loan	10/06/2006	Bình Phước	Nữ	Kinh			21TCTP084	2023	Khá	A00803 /TC	CLT-TC 067 /2023		
425	Dương Cẩm	Nguyên	23/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa			21TCTP090	2023	Khá	A00804 /TC	CLT-TC 068 /2023		
426	Trịnh Ngọc Thảo	Nguyên	01/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCTP091	2023	Khá	A00805 /TC	CLT-TC 069 /2023		

STT	Họ và tên người học		Ngày sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Lớp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN	
														Ký	Họ và tên
427	Phan Ngọc Quỳnh	Như	09/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tin học ứng dụng	21TCTP093	2023	Khá	A00806 /TC	CLT-TC 070 /2023		
428	Nguyễn Đình Thiên	Quốc	24/10/2006	Bắc Ninh	Nam	Kinh			21TCTP094	2023	Khá	A00807 /TC	CLT-TC 071 /2023		
429	Đặng Thị	Thu	26/08/2006	Tiền Giang	Nữ	Kinh			21TCTP100	2023	Khá	A00808 /TC	CLT-TC 072 /2023		
430	Nguyễn Thị Thảo	Vy	09/11/2006	Quảng Trị	Nữ	Kinh			21TCTP110	2023	Giỏi	A00809 /TC	CLT-TC 073 /2023		
431	Lê Như	Hoa	15/02/2006	Thanh Hóa	Nữ	Kinh			21TCTP111	2023	Xuất sắc	A00810 /TC	CLT-TC 074 /2023		
432	Lê Thế Tuấn	Anh	09/03/2006	Thanh Hóa	Nam	Kinh			21TCTHB2	2023	Khá	A00811 /TC	CLT-TC 075 /2023		
433	Nguyễn Thái	Anh	03/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTHB2	2023	Khá	A00812 /TC	CLT-TC 076 /2023		
434	Nguyễn Trọng Quốc	Dương	25/03/2006	Trà Vinh	Nam	Kinh			21TCTHB2	2023	Khá	A00813 /TC	CLT-TC 077 /2023		
435	Nguyễn Hoàng	Giang	10/10/2006	Kiên Giang	Nam	Kinh			21TCTHB2	2023	Trung bình	A00814 /TC	CLT-TC 078 /2023		
436	Trần Đức	Hoà	24/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTHB2	2023	Khá	A00815 /TC	CLT-TC 079 /2023		
437	Lê Quốc	Huy	15/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTHB2	2023	Khá	A00816 /TC	CLT-TC 080 /2023		
438	Lê Nhữ	Huy	09/04/2006	Thanh Hóa	Nam	Kinh			21TCTHB2	2023	Khá	A00817 /TC	CLT-TC 081 /2023		
439	Phan Hoàng Tuấn	Kiệt	03/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTHB2	2023	Khá	A00818 /TC	CLT-TC 082 /2023		
440	Võ Chí	Lập	28/02/2006	Quảng Ngãi	Nam	Kinh			21TCTHB2	2023	Khá	A00819 /TC	CLT-TC 083 /2023		
441	Nguyễn Tấn	Lộc	17/03/2006	Hà Tĩnh	Nam	Kinh			21TCTHB2	2023	Khá	A00820 /TC	CLT-TC 084 /2023		
442	Lê Minh	Mẫn	15/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTHB2	2023	Khá	A00821 /TC	CLT-TC 085 /2023		
443	Huỳnh Trần Nhật	Nam	02/02/2006	Tiền Giang	Nam	Kinh			21TCTHB2	2023	Khá	A00822 /TC	CLT-TC 086 /2023		
444	Trần Đỗ Anh	Khoa	26/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTHB2	2023	Khá	A00823 /TC	CLT-TC 087 /2023		
445	Bùi Lê	Nguyên	11/10/2006	Quảng Nam	Nam	Kinh			21TCTHB3	2023	Khá	A00824 /TC	CLT-TC 088 /2023		
446	Đỗ Long	Nguyên	11/11/2006	Hà Bắc	Nam	Kinh			21TCTHB3	2023	Khá	A00825 /TC	CLT-TC 089 /2023		

STT	Họ và tên người học		Ngày sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Lớp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN	
														Ký	Họ và tên
447	Lê Huỳnh Minh	Nhật	01/10/2006	Kiên Giang	Nam	Kinh	Việt Nam	Tin học ứng dụng	21TCTHB3	2023	Giỏi	A00826 /TC	CLT-TC 090 /2023		
448	Trần Vũ Vinh	Quang	28/09/2006	Thái Bình	Nam	Kinh			21TCTHB3	2023	Khá	A00827 /TC	CLT-TC 091 /2023		
449	Nguyễn Tấn	Quốc	10/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTHB3	2023	Khá	A00828 /TC	CLT-TC 092 /2023		
450	Trần Ngọc Minh	Tuấn	30/10/2006	Long An	Nam	Kinh			21TCTHB3	2023	Khá	A00829 /TC	CLT-TC 093 /2023		
451	Nguyễn Tấn	Thắng	08/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTHB3	2023	Giỏi	A00830 /TC	CLT-TC 094 /2023		
452	Lê Hồng	Thiên	29/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTHB3	2023	Khá	A00831 /TC	CLT-TC 095 /2023		
453	Võ Anh	Thư	09/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCTHB3	2023	Khá	A00832 /TC	CLT-TC 096 /2023		
454	Phan Lê Minh	Triết	10/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTHB3	2023	Khá	A00833 /TC	CLT-TC 097 /2023		
455	Trịnh Hoàng Như	Trúc	10/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCTHB3	2023	Khá	A00834 /TC	CLT-TC 098 /2023		
456	Trần Văn	Tỷ	15/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTHB3	2023	Khá	A00835 /TC	CLT-TC 099 /2023		

Khóa học: 2021 - 2023

Hình thức đào tạo: Chính quy

Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 497/QĐ-TCĐLTTP ngày 17 tháng 8 năm 2023; ngày cấp bằng 29/8/2023

STT	Họ và tên người học		Ngày sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Lớp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN	
														Ký	Họ và tên
457	Lê Minh	Kiệt	17/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Việt Nam	Tin học ứng dụng	21TCTHB1	2023	Trung bình	A00836 /TC	CLT-TC 100 /2023		
458	Nguyễn Đăng	Khoa	01/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTHB1	2023	Khá	A00837 /TC	CLT-TC 101 /2023		
459	Trần Diễm	My	01/02/2006	An Giang	Nữ	Kinh			21TCTHB1	2023	Khá	A00838 /TC	CLT-TC 102 /2023		
460	Đào Thiện	Ngôn	11/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCTHB1	2023	Khá	A00839 /TC	CLT-TC 103 /2023		
461	Huỳnh Trọng	Phúc	29/07/2006	Đồng Tháp	Nam	Kinh			21TCTHB1	2023	Khá	A00840 /TC	CLT-TC 104 /2023		
462	Đặng Ngọc Trúc	Phương	30/05/2006	Tây Ninh	Nữ	Kinh			21TCTHB1	2023	Khá	A00841 /TC	CLT-TC 105 /2023		
463	Hồ Nghĩa	Quý	11/02/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Hoa			21TCTHB1	2023	Giỏi	A00842 /TC	CLT-TC 106 /2023		
464	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	02/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCTHB1	2023	Khá	A00843 /TC	CLT-TC 107 /2023		

STT	Họ và tên người học		Ngày sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Lớp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN	
														Ký	Họ và tên
465	Nguyễn Quốc	Thái	19/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh		Tin học ứng dụng	21TCTHB1	2023	Khá	A00844 /TC	CLT-TC 108 /2023		
466	Thạch Minh	Trí	25/08/2006	Sóc Trăng	Nam	Khome			21TCTHB1	2023	Trung bình	A00845 /TC	CLT-TC 109 /2023		
467	Võ Thị Thanh	Trúc	03/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCTHB1	2023	Khá	A00846 /TC	CLT-TC 110 /2023		
468	Phạm Thị Trúc	Vy	24/06/2006	Bến Tre	Nữ	Kinh			21TCTHB1	2023	Khá	A00847 /TC	CLT-TC 111 /2023		
469	Tô Thanh	Bình	28/11/2006	Kiên Giang	Nam	Kinh	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	21TCKTB1	2023	Khá	A00848 /TC	CLT-TC 112 /2023		
470	Nguyễn Minh	Đức	17/07/2005	Thừa Thiên – Huế	Nam	Kinh			21TCKTB1	2023	Khá	A00849 /TC	CLT-TC 113 /2023		
471	Nguyễn Nhật Trường	Giang	07/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCKTB1	2023	Khá	A00850 /TC	CLT-TC 114 /2023		
472	Nguyễn Hoàng	Long	17/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCKTB1	2023	Khá	A00851 /TC	CLT-TC 115 /2023		
473	Nguyễn Trọng	Nghĩa	21/11/2006	Cần Thơ	Nam	Kinh			21TCKTB1	2023	Khá	A00852 /TC	CLT-TC 116 /2023		
474	Hoàng Ngọc	Tuyền	15/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCKTB1	2023	Khá	A00853 /TC	CLT-TC 117 /2023		
475	Từ Văn	Thuận	08/10/1986	Hà Tĩnh	Nam	Kinh			21TCKTB1	2023	Trung bình	A00854 /TC	CLT-TC 118 /2023		
476	Huỳnh Hùng	Vỹ	27/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCKTB1	2023	Khá	A00855 /TC	CLT-TC 119 /2023		
477	Nguyễn Gia	Hân	05/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCKTB2	2023	Khá	A00856 /TC	CLT-TC 120 /2023		
478	Nguyễn Minh	Hậu	28/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			21TCKTB2	2023	Khá	A00857 /TC	CLT-TC 121 /2023		
479	Nguyễn Ngọc	Kim	14/11/2006	Đồng Tháp	Nữ	Kinh			21TCKTB2	2023	Khá	A00858 /TC	CLT-TC 122 /2023		
480	Nguyễn Ngọc Hà	My	21/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCKTB2	2023	Khá	A00859 /TC	CLT-TC 123 /2023		
481	Đỗ Tiến	Nam	12/08/2006	Ninh Bình	Nam	Kinh			21TCKTB2	2023	Trung bình	A00860 /TC	CLT-TC 124 /2023		
482	Hồ Lê Như	Quỳnh	08/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCKTB2	2023	Khá	A00861 /TC	CLT-TC 125 /2023		
483	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh	08/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCKTB2	2023	Khá	A00862 /TC	CLT-TC 126 /2023		
484	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	10/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			21TCKTB2	2023	Giỏi	A00863 /TC	CLT-TC 127 /2023		

STT	Họ và tên người học	Ngày sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Lớp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN	
													Ký	Họ và tên

Khóa học: 2021 - 2023

Hình thức đào tạo: Chính quy

Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 642/QĐ-TCĐLTTP ngày 29 tháng 9 năm 2023; ngày cấp bằng 29/09/2023

STT	Họ và tên người học	Ngày sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Lớp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN	
													Ký	Họ và tên
485	Tôn Nữ Trâm Anh	04/3/2006	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	21T-A1	2023	Khá	A00864 /TC	CLT-TC 128 /2023		
486	Hồ Thị Thảo Duyên	31/7/2006	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh			21T-A1	2023	Giỏi	A00865 /TC	CLT-TC 129 /2023		
487	Lương Thị Kiều	17/4/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh			21T-A1	2023	Giỏi	A00866 /TC	CLT-TC 130 /2023		
488	Phạm Thảo Nguyên	17/10/2006	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh			21T-A1	2023	Khá	A00867 /TC	CLT-TC 131 /2023		
489	Võ Thị Diệu Trinh	09/4/1996	Quảng Nam	Nữ	Kinh			21T-A1	2023	Xuất sắc	A00868 /TC	CLT-TC 132 /2023		
490	Phạm Huỳnh Như Ý	28/4/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh			21T-A1	2023	Khá	A00869 /TC	CLT-TC 133 /2023		
491	Lê Văn Thanh Bảo	23/10/2006	Quảng Nam	Nam	Kinh		Công nghệ thực phẩm	21T-C1	2023	Khá	A00870 /TC	CLT-TC 134 /2023		
492	Lương Thị Thu Lộc	06/4/2006	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh			21T-C1	2023	Khá	A00871 /TC	CLT-TC 135 /2023		
493	Đinh Trần Công Minh	30/01/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh			21T-C1	2023	Khá	A00872 /TC	CLT-TC 136 /2023		
494	Phan Duy Minh Nhựt	12/02/2006	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh			21T-C1	2023	Khá	A00873 /TC	CLT-TC 137 /2023		
495	Nguyễn Thị Kiều Oanh	17/01/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh			21T-C1	2023	Khá	A00874 /TC	CLT-TC 138 /2023		
496	Mai Nguyễn Phương Chiến	20/9/2006	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh		Kỹ thuật chế biến món ăn	21T-CM1	2023	Khá	A00875 /TC	CLT-TC 139 /2023		
497	Trần Khánh Hoàn	18/02/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-CM1	2023	Khá	A00876 /TC	CLT-TC 140 /2023		
498	Phạm Khánh Hưng	03/10/2006	Hà Tĩnh	Nam	Kinh			21T-CM1	2023	Giỏi	A00877 /TC	CLT-TC 141 /2023		
499	Nguyễn Thế Liên Khương	28/6/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh			21T-CM1	2023	Giỏi	A00878 /TC	CLT-TC 142 /2023		
500	Đặng Nguyễn Uyển Nhi	24/7/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh			21T-CM1	2023	Khá	A00879 /TC	CLT-TC 143 /2023		
501	Trần Ngọc Quỳnh Như	04/3/2006	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh			21T-CM1	2023	Khá	A00880 /TC	CLT-TC 144 /2023		
502	Nguyễn Hồ Bảo Phương	12/11/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh			21T-CM1	2023	Khá	A00881 /TC	CLT-TC 145 /2023		

STT	Họ và tên người học		Ngày sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Lớp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN	
														Ký	Họ và tên
503	Nguyễn Thị Thanh	Thuận	30/4/2005	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	21T-CM1	2023	Khá	A00882 /TC	CLT-TC 146 /2023		
504	Lê Minh	Trí	01/8/2006	Bình Định	Nam	Kinh			21T-CM1	2023	Khá	A00883 /TC	CLT-TC 147 /2023		
505	Võ Kim	Tuyền	12/5/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh			21T-CM1	2023	Giỏi	A00884 /TC	CLT-TC 148 /2023		
506	Phạm Thế Quang	Vinh	04/7/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh			21T-CM1	2023	Khá	A00885 /TC	CLT-TC 149 /2023		
507	Lê Thị Phương	Dung	27/12/2006	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh			21T-CM2	2023	Giỏi	A00886 /TC	CLT-TC 150 /2023		
508	Huỳnh Nguyễn Thuận	Đạt	15/01/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-CM2	2023	Khá	A00887 /TC	CLT-TC 151 /2023		
509	Lê Trung	Hiền	18/4/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-CM2	2023	Khá	A00888 /TC	CLT-TC 152 /2023		
510	Lâm Mạnh	Hùng	12/7/2006	Gia Lai	Nam	Kinh			21T-CM2	2023	Khá	A00889 /TC	CLT-TC 153 /2023		
511	Nguyễn Hữu	Huy	05/5/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-CM2	2023	Khá	A00890 /TC	CLT-TC 154 /2023		
512	Lê Ngọc Khánh	Hung	24/02/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-CM2	2023	Khá	A00891 /TC	CLT-TC 155 /2023		
513	Đặng Văn Quốc	Khánh	15/3/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-CM2	2023	Khá	A00892 /TC	CLT-TC 156 /2023		
514	Huỳnh Thị	Lợi	04/8/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh			21T-CM2	2023	Khá	A00893 /TC	CLT-TC 157 /2023		
515	Nguyễn Thượng	Nguyên	30/10/2006	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh			21T-CM2	2023	Khá	A00894 /TC	CLT-TC 158 /2023		
516	Nguyễn Hà Yên	Nhi	23/11/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh			21T-CM2	2023	Khá	A00895 /TC	CLT-TC 159 /2023		
517	Đỗ Ý	Như	02/02/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh			21T-CM2	2023	Giỏi	A00896 /TC	CLT-TC 160 /2023		
518	Lê Văn	Pháp	25/10/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-CM2	2023	Khá	A00897 /TC	CLT-TC 161 /2023		
519	Hồ Kỳ	Phong	04/02/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-CM2	2023	Khá	A00898 /TC	CLT-TC 162 /2023		
520	Trương Ngọc	Quang	16/12/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-CM2	2023	Khá	A00899 /TC	CLT-TC 163 /2023		
521	Trần Thị Bảo	Sương	08/10/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh			21T-CM2	2023	Khá	A00900 /TC	CLT-TC 164 /2023		
522	Huỳnh Đại	Tài	17/7/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-CM2	2023	Khá	A00901 /TC	CLT-TC 165 /2023		

STT	Họ và tên người học		Ngày sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Lớp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN	
														Ký	Họ và tên
523	Lê Đức	Tài	16/10/2006	Quảng Nam	Nam	Kinh	Việt Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	21T-CM2	2023	Khá	A00902 /TC	CLT-TC 166 /2023		
524	Mai Văn	Tấn	10/9/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-CM2	2023	Khá	A00903 /TC	CLT-TC 167 /2023		
525	Nguyễn Nhật	Trí	11/3/2006	Quảng Nam	Nam	Kinh			21T-CM2	2023	Giỏi	A00904 /TC	CLT-TC 168 /2023		
526	Đỗ Văn	Trung	07/7/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-CM2	2023	Khá	A00905 /TC	CLT-TC 169 /2023		
527	Hồ Thị Thanh	Vân	03/12/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh			21T-CM2	2023	Giỏi	A00906 /TC	CLT-TC 170 /2023		
528	Huỳnh Kim	Việt	09/5/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-CM2	2023	Khá	A00907 /TC	CLT-TC 171 /2023		
529	Đặng Trung	Vương	26/7/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-CM2	2023	Khá	A00908 /TC	CLT-TC 172 /2023		
530	Nguyễn Đức	Bảo	18/7/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-CM3	2023	Khá	A00909 /TC	CLT-TC 173 /2023		
531	Đặng Quốc	Cường	02/8/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-CM3	2023	Khá	A00910 /TC	CLT-TC 174 /2023		
532	Nguyễn Văn	Đạt	20/9/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh			21T-CM3	2023	Khá	A00911 /TC	CLT-TC 175 /2023		
533	Hà Đình	Hoàng	03/01/2006	Quảng Nam	Nam	Kinh			21T-CM3	2023	Xuất sắc	A00912 /TC	CLT-TC 176 /2023		
534	Nguyễn Hữu	Hoàng	12/4/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh			21T-CM3	2023	Giỏi	A00913 /TC	CLT-TC 177 /2023		
535	Phan Công	Hoàng	19/4/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-CM3	2023	Khá	A00914 /TC	CLT-TC 178 /2023		
536	Lê Minh	Huy	13/6/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh			21T-CM3	2023	Xuất sắc	A00915 /TC	CLT-TC 179 /2023		
537	Trần Minh	Huy	24/9/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-CM3	2023	Giỏi	A00916 /TC	CLT-TC 180 /2023		
538	Lê Thanh Quốc	Hưng	27/12/2006	Quảng Trị	Nam	Kinh			21T-CM3	2023	Khá	A00917 /TC	CLT-TC 181 /2023		
539	Trần Đặng Công	Hưng	08/12/2006	Quảng Nam	Nam	Kinh			21T-CM3	2023	Giỏi	A00918 /TC	CLT-TC 182 /2023		
540	Bùi Nguyễn Ni	Na	24/10/2006	Quảng Trị	Nữ	Kinh			21T-CM3	2023	Khá	A00919 /TC	CLT-TC 183 /2023		
541	Nguyễn Văn	Phước	17/02/2006	Quảng Nam	Nam	Kinh			21T-CM3	2023	Khá	A00920 /TC	CLT-TC 184 /2023		
542	Lê Tiến	Quang	11/01/2006	Quảng Nam	Nam	Kinh			21T-CM3	2023	Giỏi	A00921 /TC	CLT-TC 185 /2023		

STT	Họ và tên người học		Ngày sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Lớp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN	
														Ký	Họ và tên
543	Hoàng Lê Đại	Quân	21/7/2005	Quảng Bình	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	21T-CM3	2023	Khá	A00922 /TC	CLT-TC 186 /2023			
544	Huỳnh Bá Nguyễn	Sinh	28/4/2005	Bạc Liêu	Nam	Kinh		21T-CM3	2023	Khá	A00923 /TC	CLT-TC 187 /2023			
545	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	19/8/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh		21T-CM3	2023	Khá	A00924 /TC	CLT-TC 188 /2023			
546	Trần Hoàng	Ny	17/01/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Hướng dẫn du lịch	21T-DL1	2023	Giỏi	A00925 /TC	CLT-TC 189 /2023			
547	Nguyễn Thị Thu	Thảo	19/12/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh		21T-DL1	2023	Khá	A00926 /TC	CLT-TC 190 /2023			
548	Lưu Bảo	Anh	27/9/2006	Đắk Lắk	Nam	Kinh	Công nghệ thông tin (ƯDPM)	21T-I1	2023	Khá	A00927 /TC	CLT-TC 191 /2023			
549	Nguyễn Đức	Dũng	02/3/2006	Quảng Bình	Nam	Kinh		21T-I1	2023	Khá	A00928 /TC	CLT-TC 192 /2023			
550	Nguyễn Thị	Hải	05/10/2006	Hà Nội	Nữ	Kinh		21T-I1	2023	Khá	A00929 /TC	CLT-TC 193 /2023			
551	Huỳnh Bá	Hiếu	10/11/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh		21T-I1	2023	Khá	A00930 /TC	CLT-TC 194 /2023			
552	Nguyễn Đức Lê	Huy	25/10/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh		21T-I1	2023	Khá	A00931 /TC	CLT-TC 195 /2023			
553	Đặng Công	Long	25/8/2006	Quảng Nam	Nam	Kinh		21T-I1	2023	Khá	A00932 /TC	CLT-TC 196 /2023			
554	Hồ Hoàng	Long	27/01/2006	Bình Định	Nam	Kinh		21T-I1	2023	Khá	A00933 /TC	CLT-TC 197 /2023			
555	Nguyễn Trần Minh	Thắng	28/10/2006	Quảng Nam	Nam	Kinh		21T-I1	2023	Trung bình	A00934 /TC	CLT-TC 198 /2023			
556	Nguyễn Trường	Thịnh	25/4/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh		21T-I1	2023	Xuất sắc	A00935 /TC	CLT-TC 199 /2023			
557	Nguyễn Ngọc	Trâm	04/9/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh		21T-I1	2023	Khá	A00936 /TC	CLT-TC 200 /2023			
558	Bùi Thanh	Trọng	19/5/2006	Nghệ An	Nam	Kinh		21T-I1	2023	Khá	A00937 /TC	CLT-TC 201 /2023			
559	Đặng Quang	Vi	02/4/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh		21T-I1	2023	Khá	A00938 /TC	CLT-TC 202 /2023			
560	Đinh Văn Tuấn	Anh	03/4/2006	Nghệ An	Nam	Kinh		21T-I2	2023	Khá	A00939 /TC	CLT-TC 203 /2023			
561	Nguyễn Văn	Cương	24/11/2006	Quảng Nam	Nam	Kinh		21T-I2	2023	Giỏi	A00940 /TC	CLT-TC 204 /2023			
562	Trần Hồ Nhật	Duy	23/10/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh		21T-I2	2023	Khá	A00941 /TC	CLT-TC 205 /2023			

STT	Họ và tên người học		Ngày sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Lớp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN	
														Ký	Họ và tên
563	Lý Minh	Hoàng	20/9/2006	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ thông tin (UDPM)	21T-I2	2023	Khá	A00942 /TC	CLT-TC 206 /2023		
564	Trương Quốc	Hoàng	21/3/2006	Quảng Nam	Nam	Kinh			21T-I2	2023	Khá	A00943 /TC	CLT-TC 207 /2023		
565	Kim Quốc	Hô	16/5/2006	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh			21T-I2	2023	Khá	A00944 /TC	CLT-TC 208 /2023		
566	Hồ Công Gia	Huy	06/5/2006	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh			21T-I2	2023	Khá	A00945 /TC	CLT-TC 209 /2023		
567	Trương Phúc	Khang	17/11/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-I2	2023	Khá	A00946 /TC	CLT-TC 210 /2023		
568	Nguyễn Lê Quang	Nhật	02/01/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-I2	2023	Khá	A00947 /TC	CLT-TC 211 /2023		
569	Trần Minh	Phát	21/7/2006	Quảng Nam	Nam	Kinh			21T-I2	2023	Khá	A00948 /TC	CLT-TC 212 /2023		
570	Đoàn Thiên	Phong	20/4/2006	Nghệ An	Nam	Kinh			21T-I2	2023	Khá	A00949 /TC	CLT-TC 213 /2023		
571	Nguyễn Nhật	Phong	18/8/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-I2	2023	Xuất sắc	A00950 /TC	CLT-TC 214 /2023		
572	Nguyễn Văn Minh	Phúc	30/5/2005	Quảng Bình	Nam	Kinh			21T-I2	2023	Khá	A00951 /TC	CLT-TC 215 /2023		
573	Nguyễn Ngọc	Phước	03/3/2006	Quảng Nam	Nam	Kinh			21T-I2	2023	Khá	A00952 /TC	CLT-TC 216 /2023		
574	Trần Văn	Quà	27/9/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-I2	2023	Khá	A00953 /TC	CLT-TC 217 /2023		
575	Huỳnh Nhật	Quang	06/8/2006	Quảng Nam	Nam	Kinh			21T-I2	2023	Khá	A00954 /TC	CLT-TC 218 /2023		
576	Đào Văn	Tâm	14/4/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-I2	2023	Khá	A00955 /TC	CLT-TC 219 /2023		
577	Trần Ngọc Minh	Tân	24/5/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-I2	2023	Giỏi	A00956 /TC	CLT-TC 220 /2023		
578	Lê Đức	Thành	14/11/1991	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-I2	2023	Khá	A00957 /TC	CLT-TC 221 /2023		
579	Trần Lê Anh	Tuấn	01/8/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh			21T-I2	2023	Trung bình	A00958 /TC	CLT-TC 222 /2023		
580	Nguyễn Phú	Việt	25/3/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-I2	2023	Khá	A00959 /TC	CLT-TC 223 /2023		
581	Đặng Nguyễn Hoàng	Vũ	30/4/2006	Quảng Nam	Nam	Kinh			21T-I2	2023	Khá	A00960 /TC	CLT-TC 224 /2023		
582	Lê Anh	Đại	29/3/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-I3	2023	Giỏi	A00961 /TC	CLT-TC 225 /2023		
583	Cao Thành	Nhân	26/4/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-I3	2023	Giỏi	A00962 /TC	CLT-TC 226 /2023		

STT	Họ và tên người học		Ngày sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Lớp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN	
														Ký	Họ và tên
584	Nguyễn Vinh	Thắng	27/12/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ thông tin (UDPM)	21T-I3	2023	Khá	A00963 /TC	CLT-TC 227 /2023		
585	Nguyễn Quốc	Thiện	14/7/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-I3	2023	Khá	A00964 /TC	CLT-TC 228 /2023		
586	Lê Thất	Tiến	26/01/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-I3	2023	Giỏi	A00965 /TC	CLT-TC 229 /2023		
587	Nguyễn Đức	Bảo	27/9/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh	Việt Nam	Nghề vụ nhà hàng	21T-NH1	2023	Giỏi	A00966 /TC	CLT-TC 230 /2023		
588	Trần Anh	Dũng	30/8/2006	Quảng Trị	Nam	Kinh			21T-NH1	2023	Khá	A00967 /TC	CLT-TC 231 /2023		
589	Lê Huy	Hoàng	24/8/2006	Long An	Nam	Kinh			21T-NH1	2023	Khá	A00968 /TC	CLT-TC 232 /2023		
590	Bùi Quang	Lâm	25/11/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh			21T-NH1	2023	Khá	A00969 /TC	CLT-TC 233 /2023		
591	Đặng Thị Kim	Lộc	16/8/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh			21T-NH1	2023	Giỏi	A00970 /TC	CLT-TC 234 /2023		
592	Phạm Lê Minh	Nguyên	17/12/2006	Quảng Nam	Nam	Kinh			21T-NH1	2023	Khá	A00971 /TC	CLT-TC 235 /2023		
593	Nguyễn ý	Nhi	02/02/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh			21T-NH1	2023	Khá	A00972 /TC	CLT-TC 236 /2023		
594	Trần Thị Nhật	Phương	11/10/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh			21T-NH1	2023	Khá	A00973 /TC	CLT-TC 237 /2023		
595	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	21/11/2006	Thanh Hoá	Nữ	Kinh			21T-NH1	2023	Giỏi	A00974 /TC	CLT-TC 238 /2023		

Khóa học: 2020 - 2022, 2021-2023
 Hình thức đào tạo: Chính quy
 Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 1003/QĐ-TCĐLTTP ngày 29 tháng 12 năm 2023; ngày cấp bằng 29/12/2023

STT	Họ và tên người học		Ngày sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Lớp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN	
														Ký	Họ và tên
596	Nguyễn Thái	Bình	06/6/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ thông tin (UDPM)	20T-I2	2023	Khá	A00975 /TC	CLT-TC 239 /2023		
597	Bùi Thị Mỹ	Dung	20/5/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh		Nghề vụ nhà hàng	20T-NH3	2023	Giỏi	A00976 /TC	CLT-TC 240 /2023		
598	Nguyễn Thanh	Hà	01/6/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh			20T-NH3	2023	Giỏi	A00977 /TC	CLT-TC 241 /2023		
599	Ông Trương Thùy	Trâm	14/6/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Việt Nam	Công nghệ thực phẩm	21T-C1	2023	Khá	A00978 /TC	CLT-TC 242 /2023		
600	Vũ Hải	An	09/8/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh		Công nghệ thông tin (UDPM)	21T-I1	2023	Khá	A00979 /TC	CLT-TC 243 /2023		
601	Phạm Đức	Anh	22/4/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh			21T-I1	2023	Khá	A00980 /TC	CLT-TC 244 /2023		